

Số: **1192**/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày **25** tháng 09 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép thực hiện báo cáo học thuật
tại các Bộ môn trong học kỳ I năm học 2018-2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Chương IV Hoạt động sinh hoạt học thuật của giảng viên Quy định về việc Quản lý hoạt động nghiên cứu sinh hoạt học thuật của các giảng viên và cán bộ khoa học tại các bộ môn, ban hành theo Quyết định số 856/QĐ-MĐC, ngày 03/7/2017;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép thực hiện 136 báo cáo học thuật (có danh mục kèm theo) trong học kỳ I năm học 2018-2019.

Điều 2. Các giảng viên và cán bộ khoa học có tên trong Điều 1 có trách nhiệm thực hiện báo cáo học thuật theo Quy định của Nhà trường đúng với nội dung thực hiện và thời gian đã được đăng ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, phòng Tài vụ, Trưởng các Khoa, Bộ môn, các giảng viên và cán bộ khoa học có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, KHQT(06).

K. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
GS.TS *Bùi Xuân Nam*

DACH MỤC BÁO CÁO HỌC THUẬT
THỰC HIỆN TRONG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2018-2019
 (kèm theo Quyết định số. 1192, ngày. 25. tháng 9 năm 2018)

| TT | Họ và tên người báo cáo | Tên báo cáo học thuật | Thời gian báo cáo dự kiến |
|---------------------------------|-------------------------|--|---------------------------|
| KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN | | | |
| Bộ môn Tin học cơ bản | | | |
| 1 | Tạ Quang Chiêu | Tìm hiểu mô hình đào tạo trực tuyến | 12/2018 |
| 2 | Đào Thị Thu Vân | Nghiên cứu phần mềm Active Presenter để xây dựng bài giảng cho bộ môn Tin học cơ bản | 12/2018 |
| 3 | Đặng Hữu Nghị | Tìm hiểu về Elearning | 12/2018 |
| 4 | Vũ Lan Phương | Xây dựng bài giảng điện tử cho phần 3.1, 3.2 môn Tin đại cương | 12/2018 |
| 5 | Dương Chí Thiện | Ứng dụng phần mềm Presenter xây dựng bài giảng điện tử | 12/2018 |
| 6 | Bùi Thị Vân Anh | Áp dụng Elearning vào bài giảng tin đại cương mục 4.3 và 5.3 | 12/2018 |
| 7 | Phạm Đức Hậu | Nghiên cứu, xây dựng chương trình mô phỏng thuật toán Deap – Sort | 12/2018 |
| 8 | Vương Thị Như Quỳnh | Xây dựng bài giảng Elearning bằng phần mềm Presenter7 | 12/2018 |
| 9 | Đặng Quốc Trung | Nghiên cứu xây dựng chương trình mô phỏng các thao tác của B-Tree | 12/2018 |
| Bộ môn Khoa học máy tính | | | |
| 10 | Lê Hồng Anh | Xử lý dữ liệu lớn với Apache Spark | 01/2019 |
| 11 | Nguyễn Thùy Dương | Một số phương pháp trích chọn đặc trưng ảnh phục vụ cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu đa phương tiện | 01/2019 |
| 12 | Nông Thị Oanh | Các mô hình cơ bản trong phân tích và thiết kế hướng đối tượng | 01/2019 |
| Bộ môn Mạng máy tính | | | |
| 13 | Đỗ Như Hải | Nghiên cứu mô hình ứng dụng ITIL cho doanh nghiệp | 12/2018 |
| 14 | Phạm Đình Tân | Nghiên cứu biểu diễn chuyển động khớp tay robot trong Matlab | 12/2018 |
| 15 | Trần Thị Thu Thúy | Nghiên cứu giao thức BGP | 12/2018 |
| 16 | Diêm Công Hoàng | Lập trình giao diện người dùng trong MatLab sử dụng kỹ thuật mô phỏng mạng | 12/2018 |
| 17 | Đào Anh Thư | Tìm hiểu về hệ thống quản lý học tập LMS | 12/2018 |
| 18 | Đặng Xuân Điệp | Tìm hiểu về truyền sóng vô tuyến trong môi trường nước | 12/2018 |
| KHOA DẦU KHÍ | | | |
| Bộ môn Khoan Khai thác | | | |
| 19 | Trương Văn Từ | Ứng dụng dung dịch khoan polymer dương (cation) trong khoan dầu khí | 10/2018 |
| 20 | Nguyễn Tiến Hùng | Biện giải góc lắp đặt răng mũi khoan hợp kim cứng | 11/2018 |
| 21 | Nguyễn Văn Thành | Lắng đọng muối ống khai thác dầu ở các giếng khai thác bể Cửu Long và biện pháp xử lý | 12/2018 |

| TT | Họ và tên người báo cáo | Tên báo cáo học thuật | Thời gian báo cáo dự kiến |
|--|-------------------------|--|---------------------------|
| Bộ môn Địa chất dầu khí | | | |
| 22 | Bùi Thị Ngân | Dấu vết sinh học (oil biomarkers) và ứng dụng trong xác định nguồn gốc tuổi, độ trưởng thành của dầu | 12/2018 |
| 23 | Phạm Văn Tuấn | Nghiên cứu bao thể trong phân tích bề trầm tích | 12/2018 |
| Bộ môn Địa vật lý | | | |
| 24 | Kiều Duy Thông | Tổng quan ứng dụng địa vật lý tầng nông | 10/2018 |
| 25 | Phan Thiên Hương | Ứng dụng địa chấn trong tìm kiếm than | 02/2019 |
| Bộ môn Thiết bị dầu khí và công trình | | | |
| 26 | Triệu Hùng Trường | Định hướng phát triển các hướng chuyên môn của bộ môn Thiết bị dầu khí và công trình trong tình hình mới | 12/2018 |
| 27 | Hoàng Anh Dũng | Một số công nghệ mới trong chế tạo choòng khoan PDC | 01/2019 |
| 28 | Nguyễn Thanh Tuấn | Khả năng áp dụng khóa đào tạo T-Bioset của các công ty dầu khí vào chương trình đào tạo kỹ sư Thiết bị dầu khí | 10/2018 |
| KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH | | | |
| Bộ môn Quản trị Doanh nghiệp Mở | | | |
| 29 | Nguyễn Ngọc Khánh | Đặc điểm các mô hình quản trị thương mại điện tử tại Việt Nam | 12/2018 |
| 30 | Đào Anh Tuấn | Xây dựng các kỹ năng thực thành thương mại điện tử cho sinh viên chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử | 12/2018 |
| 31 | Nguyễn Thị Hoài Nga | Đặc điểm của người tiêu dùng trong thương mại điện tử | 12/2018 |
| 32 | Đặng Huy Thái | Hoàn thiện phương pháp phân tích tính chất nhíp nhàng của quá trình sản xuất trong các doanh nghiệp mở | 11/2018 |
| 33 | Lê Đình Chiều | Khởi nghiệp kinh doanh bằng thương mại điện tử trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0 | 12/2018 |
| 34 | Lê Đình Chiều | Nhận diện chuỗi giá trị ngành thương mại điện tử bán lẻ ở Việt Nam | 12/2018 |
| 35 | Nguyễn Thị Hường | Experiences from Toyota motor Vietnam and feasibility in Vietnam mining management | 9/2018 |
| 36 | Nguyễn Thị Hường | Tác động của thương mại điện tử tới quản trị logistics | 12/2018 |
| 37 | Nguyễn Đức Thắng | Văn hóa và niềm tin người tiêu dùng trong phát triển thương mại điện tử tại Việt Nam | 12/2018 |
| 38 | Đông Thị Bích | Giới thiệu nội dung chính của một số Thông tư, Nghị định liên quan đến dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin - Khả năng vận dụng để viết bài giảng Quản trị dự án thương mại điện tử | 12/2018 |
| 39 | Nguyễn Văn Thường | Những cách thức để xây dựng thương hiệu điện tử hiệu quả | 12/2018 |
| 40 | Phan Thị Thùy Linh | Các phương thức thanh toán điện tử ở Việt Nam hiện nay | 12/2018 |

| TT | Họ và tên người báo cáo | Tên báo cáo học thuật | Thời gian báo cáo dự kiến |
|------------------------------------|-------------------------|--|---------------------------|
| 41 | Phạm Kiên Trung | Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của quản trị thương mại điện tử | 11/2018 |
| 42 | Lê Thị Thu Hương | Giới thiệu hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hiện nay ở Việt Nam | 12/2018 |
| 43 | Lê Văn Chiến | Lập kế hoạch kinh doanh cho thương mại điện tử | 12/2018 |
| Bộ môn Kế toán doanh nghiệp | | | |
| 44 | Phạm Thị Hồng Hạnh | Tìm hiểu chuẩn mực kế toán quốc tế IAS23 (chi phí đi vay) đối chiếu với chuẩn mực kế toán Việt Nam | 12/2018 |
| 45 | Nguyễn Thị Minh Thu | Nghiên cứu chuẩn mực kế toán quốc tế số 41 – Nông nghiệp. Điều kiện áp dụng đối với Việt Nam | 12/2018 |
| KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN | | | |
| Bộ môn Cơ lý thuyết | | | |
| 46 | Trần Đình Sơn | Mạch RLC có đạo hàm cấp phân số | 12/2018 |
| 47 | Trần Thị Trâm | Mô phỏng động lực học robot cơ cấu song song | 12/2018 |
| 48 | Nguyễn Huy Thế | Xu hướng phát triển của các loại sàng rung trong công nghiệp khai khoáng | 12/2018 |
| 49 | Bùi Thị Thúy | Tính toán dao động của cơ hệ có đạo hàm cấp phân số bằng phương pháp Laplace | 12/2018 |
| 50 | Phạm Ngọc Chung | Nghiên cứu một số đặc trưng của tập hút và ứng dụng trong cơ học | 12/2018 |
| 51 | Đình Công Đạt | Động lực học và điều khiển robot 2 khâu T-R đàn hồi | 12/2018 |
| Bộ môn Hóa học | | | |
| 52 | Công Tiến Dũng | Những tiến bộ trong nghiên cứu xử lý bùn đỏ bằng công nghệ polyme vô cơ (Advances in red mud treatment by geopolymer technology) | 12/2018 |
| 53 | Hà Mạnh Hùng | Nghiên cứu khả năng hấp thụ sóng điện từ của màng Polypyrrol pha tạp axit oxalic | 12/2018 |
| Bộ môn Toán | | | |
| 54 | Lê Thị Hương Giang | Một số dạng toán ma trận, định thức phục vụ kì thi Olympic sinh viên môn Đại số | 01/2019 |
| 55 | Nguyễn Thu Hằng | Hướng dẫn thực hành môn xác suất thống kê trên Excel | 01/2019 |
| 56 | Nguyễn Thế Lâm | Chứng minh bất đẳng thức tích phân sử dụng khai triển Taylor | 01/2019 |
| 57 | Lê Bích Phượng | Tìm hiểu về Trí tuệ nhân tạo và học máy | 01/2019 |
| 58 | Hoàng Ngự Huân | Định lý Fecma lớn: lịch sử và ứng dụng | 01/2019 |
| 59 | Phạm Ngọc Anh | Một số ví dụ ứng dụng hàm nhiều biến trong bài toán kinh tế | 01/2019 |
| 60 | Nguyễn Thị Kim Sơn | Một số bài toán về dãy số và giới hạn | 01/2019 |
| 61 | Nguyễn Thị Lan Hương | Hàm Squeezing trên một số miền phức | 01/2019 |
| 62 | Nguyễn Trường Thanh | Bài toán ổn định hữu hạn | 01/2019 |
| 63 | Nguyễn Thị Hằng | Phân phối trên nghiệm liên hợp và trên nghiệm thiếu thông tin trong một số mô hình | 01/2019 |
| 64 | Đào Xuân Hưng | Ứng dụng số phức để giải bài toán dựng hình và bài toán quỹ tích | 01/2019 |

| TT | Họ và tên người báo cáo | Tên báo cáo học thuật | Thời gian báo cáo dự kiến |
|---|-------------------------|---|---------------------------|
| 65 | Phạm Tuấn Cường | Phương pháp quy nạp toán học chứng minh đẳng thức và bất đẳng thức | 01/2019 |
| 66 | Nguyễn Minh Mẫn | Nghiệm dao động của phương trình vi phân cấp 1 có trễ biến thiên | 01/2019 |
| 67 | Nguyễn Văn Ngọc | Một số bài toán đếm áp dụng dãy truy hồi | 01/2019 |
| 68 | Nguyễn Thị Hiền | Tính chất của tập hút toàn cục đối với phương trình khuếch tán | 01/2019 |
| Bộ môn Vật lý | | | |
| 69 | Vũ Bá Dũng | Vai trò của lực ma sát trong chuyển động quay của bánh xe truyền động và bánh xe không truyền động | 12/2018 |
| 70 | Nguyễn Thị Diệu Thu | Ứng dụng từ trường trong tuyến từ | 12/2018 |
| 71 | Dư Thị Xuân Thảo | Lý thuyết lượng tử về hiện tượng phân rã alpha và về định lý Geiger-Nutall | 12/2018 |
| Bộ môn Ngoại ngữ | | | |
| 72 | Nguyễn Ánh Hoa | Hướng dẫn thi kỹ năng nói IELTS phần 2 chủ đề "Jobs" | 10/2018 |
| 73 | Nguyễn Thị Cúc | Hướng dẫn thi kỹ năng nói IELTS phần 2 về chủ đề "My favorite photograph" | 10/2018 |
| 74 | Trần Đình Thước | Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ | 10/2018 |
| 75 | Nguyễn Hồng Vân | Hướng dẫn kỹ năng thi nói IELTS phần 2 chủ đề : "Heroism" | 9/2018 |
| 76 | Trịnh Thị Vân | Hướng dẫn kỹ năng thi nói IELTS phần 2 chủ đề "Sports and Exercises" | 11/2018 |
| 77 | Nguyễn Thị Thu Phúc | Một số thủ thuật học tính từ trái nghĩa | 11/2018 |
| 78 | Trương Thị Thanh Thủy | M-learning trong dạy và học tiếng Anh (phần I) | 11/2018 |
| 79 | Nguyễn Thị Thảo | Trạng từ chỉ phương thức trong tiếng Anh | 11/2018 |
| 80 | Vũ Thanh Tâm | Hướng dẫn thi kỹ năng nói IELTS phần 2 về chủ đề "Describing people" | 11/2018 |
| 81 | Lê Thị Thúy Hà | Hướng dẫn kỹ năng nói phần 2 trong IELTS với chủ đề: "Important events" | 11/2018 |
| 82 | Nguyễn Mộng Lân | Biện pháp nâng cao hiệu quả làm bài thi nghe phần 3,4 trong giáo trình KET | 11/2018 |
| 83 | Đặng Thanh Mai | Hướng dẫn kỹ năng nói phần 2 trong IELTS với chủ đề "Clothes" | 11/2018 |
| 84 | Nguyễn Thị Nguyệt Ánh | Phương pháp học tập kết hợp (Blended Learning) trong dạy và học ngoại ngữ (phần I) | 11/2018 |
| 85 | Dương Thúy Hường | Đọc hiểu tài liệu tiếng Anh chuyên ngành: khó khăn và giải pháp (phần 1) | 11/2018 |
| 86 | Cao Xuân Hiền | Kỹ năng làm bài tập chuyên câu trong TestBook | 11/2018 |
| KHOA KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT | | | |
| Bộ môn Địa chất công trình | | | |
| 87 | Nguyễn Văn Phóng | Thiết kế quan trắc hố móng sâu, cơ sở lý thuyết và thực nghiệm | 01/2019 |
| 88 | Phạm Minh Tuấn | Quan trắc ổn định hố móng sâu bằng thiết bị Inclinometer kết hợp phương pháp trắc địa. Áp dụng tại nhà máy Samsung, khu công nghiệp Yên Phong, Bắc Ninh | 01/2019 |

| TT | Họ và tên người báo cáo | Tên báo cáo học thuật | Thời gian báo cáo dự kiến |
|---|---------------------------------------|---|---------------------------|
| 89 | Nhữ Việt Hà | Khảo sát xu thế ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực ĐCCT-ĐKT và đào tạo | 01/2019 |
| 90 | Nguyễn Thị Nụ | Lựa chọn phương pháp thí nghiệm thấm trong phòng hợp lý nhằm đánh giá chất lượng vật liệu đắp | 01/2019 |
| 91 | Nguyễn Văn Hùng | Tổng quan sử dụng sợi thép bê tông và khả năng ứng dụng ở Việt Nam | 01/2019 |
| KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ | | | |
| Bộ môn Pháp luật | | | |
| 92 | Nguyễn Lê Hà Giang | Vấn đề trích dẫn hợp lý tác phẩm | 11/2018 |
| 93 | Nguyễn Lê Hà Giang | Khái quát về sự phát triển của quy định hôn ước trong pháp luật Việt Nam | 11/2018 |
| KHOA MỎ | | | |
| Bộ môn Sức bền vật liệu | | | |
| 94 | Nguyễn Như Hùng | Nhiệt động học trong thiết bị làm lạnh | 01/2019 |
| 95 | Dương Đức Hùng | Ý nghĩa và cách vận dụng điều kiện biên trong khảo sát các bài toán cơ học vật rắn biến dạng | 01/2019 |
| 96 | Phạm Tuấn Long | Nội lực trong thanh có liên kết chịu chuyển vị cưỡng bức | 01/2019 |
| 97 | Nguyễn Việt Thắng | Ứng dụng tin học trong thí nghiệm nén bê tông của máy kéo nén đa năng Matest | 01/2019 |
| 98 | Đỗ Ngọc Tú | Nghiên cứu độ tin cậy của công trình tháp bằng thép | 01/2019 |
| Bộ môn Khai thác Hàm lò | | | |
| 99 | Lê Tiến Dũng | Nghiên cứu cơ chế sập đổ than nóc trong công nghệ khai thác lò chợ thu hồi than nóc | 9/2018 |
| 100 | Nguyễn Văn Thịnh | Hoàn thiện bài thí nghiệm áp dụng trên sơ đồ thông gió tại phòng thí nghiệm Bộ môn Khai thác hàm lò | 11/2018 |
| Bộ môn Tuyển khoáng | | | |
| 101 | Phạm Văn Luận | Đánh giá hiệu quả hoạt động nhà máy tuyển | 9/2018 |
| 102 | Nhữ Thị Kim Dung | Các thiết bị tuyển siêu trọng lực - Những lựa chọn mới để tuyển than cấp hạt mịn | 11/2018 |
| 103 | Phạm Thị Nhung | Một số thiết bị tuyển nổi - trọng lực trên thế giới để ứng dụng vào tuyển nổi cấp hạt thô | 11/2018 |
| 104 | Trần Trung Tới | Cách xây dựng giản đồ E - pH và ứng dụng của nó trong thủy luyện | 9/2018 |
| 105 | Nguyễn Hoàng Sơn | Áp dụng thiết bị tuyển nổi cột dạng tấm nghiêng để tuyển quặng apatit loại 3 Lào Cai và mùn than -0,3mm mỏ Vàng Danh | 12/2018 |
| 106 | Trần Văn Đước | Thực trạng phương pháp xử lý và thu hồi bụi lò cao hiện nay | 10/2018 |
| 107 | Nguyễn Ngọc Phú | Ứng dụng nổ mìn điện tử trong khai thác quặng | 12/2018 |
| KHOA MÔI TRƯỜNG | | | |
| Bộ môn Địa sinh thái và Công nghệ môi trường | | | |
| 108 | Phạm Khánh Huy Trần Thị Thanh Thủy | Tổng hợp chế tạo vật liệu xúc tác TiO ₂ /GO và một số kết quả đánh giá ban đầu xử lý một số chất ô nhiễm trong nước thải | 10/2018 |

| TT | Họ và tên người báo cáo | Tên báo cáo học thuật | Thời gian báo cáo dự kiến |
|---|--------------------------------|--|---------------------------|
| 109 | Đỗ Cao Cường Phạm Khánh Huy | Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Phú Thọ | 10/2018 |
| 110 | Trần Thị Kim Hà | Nghiên cứu các tác động của dự án khai thác mỏ than Khe Sim đến môi trường | 11/2018 |
| 111 | Đỗ Văn Bình | Nghiên cứu khả năng sử dụng bền vững nguồn nước khoáng Bản Bon, Văn Chấn, Yên Bái | 11/2018 |
| 112 | Phạm Khánh Huy Đỗ Cao Cường | Giới thiệu công nghệ khai thác nước hầm ngang, phục vụ khai thác nước và giảm bớt công trình xử lý sơ bộ trong xử lý nước mặt phục vụ cấp nước sinh hoạt | 12/2018 |
| 113 | Đỗ Thị Hải | Nghiên cứu chất lượng nước sông Bằng Giang - Kỳ Cùng. Đề xuất giải pháp bảo vệ tài nguyên nước | 12/2018 |
| Bộ môn Kỹ thuật môi trường | | | |
| 114 | Nguyễn Phương Đông | Phân vùng lãnh thổ Đông Dương lấy ví dụ cho khả năng phát tán đặc biệt các nuclit phóng xạ trong khí quyển từ các trường hợp phát tán của các tai nạn giả định đối với các nhà máy điện hạt nhân | 10/2018 |
| 115 | Đào Trung Thành | Nghiên cứu xác định tải lượng, thành phần tro xỉ của nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh và tiềm năng tái sử dụng làm vật liệu xây dựng | 10/2018 |
| 116 | Nguyễn Thị Hòa | Nghiên cứu, đánh giá các tai biến môi trường liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản vùng Quỳ Hợp – Tương Dương, Nghệ An | 10/2018 |
| KHOA TRẮC ĐỊA, BẢN ĐỒ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI | | | |
| Bộ môn Trắc địa phổ thông và Sai số | | | |
| 117 | Nguyễn Thị Thu Hương | Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng trong thực tiễn nói chung và trong lĩnh vực Trắc địa Bản đồ | 12/2018 |
| Bộ môn Trắc địa Mô | | | |
| 118 | Phạm Công Khải | Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật quan trắc chuyển dịch biến dạng công trình theo thời gian thực | 9/2018 |
| 119 | Nguyễn Việt Nghĩa | Ứng dụng máy quét laser 3D mặt đất thành lập mô hình 3D mở lộ thiên | 9/2018 |
| 120 | Phạm Thị Làn | Chiết xuất thông tin độ ẩm đất từ tư liệu ảnh Landsat thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | 10/2018 |
| 121 | Nguyễn Quốc Long | Đánh giá độ chính xác thành lập bản đồ khai thác mỏ lộ thiên bằng công nghệ UAV | 10/2018 |
| 122 | Lê Thị Thu Hà | Chiết xuất thông tin nhiệt bề mặt lớp phủ trên ảnh vệ tinh Landsat 8 OLI | 11/2018 |
| 123 | Phạm Văn Chung | Xây dựng mô hình địa cơ, phân tích dự báo dịch chuyển biến dạng do ảnh hưởng của khai thác hầm lò | 11/2018 |
| 124 | Vương Trọng Kha | Quy trình quan trắc sâu bằng thiết bị Inclinometer bờ mỏ lộ thiên | 11/2018 |
| 125 | Võ Ngọc Dũng | Hiệu quả ứng dụng laser trong công tác trắc địa mỏ | 11/2018 |

| TT | Họ và tên người báo cáo | Tên báo cáo học thuật | Thời gian báo cáo dự kiến |
|--|----------------------------------|---|---------------------------|
| Bộ môn Địa chính | | | |
| 126 | Nguyễn Thị Dung | Đề xuất một số giải pháp tháo gỡ vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất | 01/2019 |
| 127 | Nguyễn Thị Kim Yên | Một số vấn đề về khai thác nguồn lực tài chính đất đai ở Việt Nam | 12/2018 |
| 128 | Phạm Thế Huynh | Kỹ thuật ra đề thi và chấm thi trắc nghiệm | 01/2019 |
| Bộ môn Trắc địa cao cấp | | | |
| 129 | Vũ Văn Trí | Một số kết quả thử nghiệm giao, nhận, đánh giá Bài tập dạng số trong giảng dạy học phần Thiên văn cầu và định vị bằng thiên văn (MS: 4050205), học kỳ 2, năm học 2017-2018. | 10/2018 |
| 130 | Lê Thị Thanh Tâm | Giới thiệu một số phần mềm xử lý số liệu GNSS đang được sử dụng hiện nay | 01/2019 |
| 131 | Nguyễn Văn Lâm | Bình sai mạng lưới dị thường trọng lực đo trực tiếp ứng dụng thuật toán bình sai giao cắt | 10/2018 |
| Bộ môn Trắc địa công trình | | | |
| 132 | Nguyễn Việt Hà Trần Ngọc Đông | Bản về tiêu chuẩn độ ổn định mốc khống chế cơ sở trong quan trắc biến dạng công trình | 12/2018 |
| 133 | Trần Viết Tuấn | Bản về công thức đánh giá độ chính xác của trị đo kép dùng trong so sánh độ chính xác của các phương pháp đo trắc địa khác nhau | 12/2018 |
| KHOA XÂY DỰNG | | | |
| Bộ môn Xây dựng công trình ngầm và Mỏ | | | |
| 134 | Đặng Trung Thành | Một số lưu ý khi sử dụng máy đào hầm thi công công trình ngầm trong các dự án khai thác mỏ | 10/2018 |
| 135 | Đỗ Ngọc Anh | Nghiên cứu đánh giá các thông số ảnh hưởng tới vỏ hầm Metro tiết diện không tròn | 12/2018 |
| 136 | Trần Tuấn Minh | Nghiên cứu ảnh hưởng của tính chất phân lớp đất đá đến độ ổn định của đường lò | 11/2018 |

KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bộ môn Ngoại ngữ

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN BÁO CÁO HỌC THUẬT

Học kỳ 1, năm học 2018 - 2019

Thời gian : 8h30 ngày 30 - 11 - 2018

Địa điểm : Văn phòng Bộ môn Ngoại ngữ, P.7-T11, nhà C12

Thành phần : Các báo cáo viên và toàn thể cán bộ Bộ môn Ngoại ngữ

Chủ trì : **GV, ThS. Trương Thị Thanh Thủy, Phó Trưởng Bộ môn**

Thư ký : **GV. Th. Lê Thị Thuý Hà**

Tên báo cáo : **ĐỌC HIỂU TÀI LIỆU TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH : KHÓ KHĂN VÀ GIẢI PHÁP**

Báo cáo viên: **GV. ThS. Dương Thuý Hường**

TIẾN TRÌNH

1. Báo cáo viên trình bày bản báo cáo học thuật.

Nội dung trình bày: (báo cáo kèm theo).

2. Ý kiến nhận xét

a) GV, ThS Cao Xuân Hiền:

- Báo cáo thiết thực với tình trạng yêu cầu tiếng Anh chuyên ngành trong trường Đại học Mở - Địa chất

- Tuy nhiên, báo cáo viên cần cụ thể hoá nội dung chương trình như đưa ra các cấu trúc câu phổ biến, hệ thống ngữ pháp cần thiết cho việc dạy và học tiếng Anh chuyên ngành.

b) GV, Ths Trương Thanh Thủy: Báo cáo bổ ích cho việc dạy tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên trường Đại học Mở - Địa chất.

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2018

Chủ trì



GV.ThS. Trương Thị Thanh Thủy

Thư ký



GV. ThS. Lê Thị Thuý Hà

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM DỰ BCHT BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

Thời gian: 30/11/2018

Địa điểm: VP BM Ngoại Ngữ

Người trình bày: ThS Dương Thúy Hương

| STT | Họ và tên | Đơn vị | Ký tên |
|-----|-----------------------|-------------------|--------|
| 1 | Cao Xuân Hiền | Bm N ² | |
| 2 | Nguyễn Mộng Lân | | |
| 3 | Trần Đình Thuớc | Bm NN | |
| 4 | Dương Thúy Hương | Bm N.N | |
| 5 | Trương Thị Thanh Thủy | Bm Ngoại Ngữ | |
| 6 | Nguyễn Thị Thảo | " | |
| 7 | Nguyễn Hồng Vân | Bm NN | |
| 8 | Đặng Thanh Mai | Bm Ngoại ngữ | |
| 9 | Lê Thị Thúy Hà | " | |
| 10 | Nguyễn Thị Nguyệt Ánh | Bm Ngoại ngữ | |
| 11 | Nguyễn Thu Phúc | " | |
| 12 | Vũ Thanh Tâm | Bm Ngoại ngữ | |
| 13 | Nguyễn Thị Cúc | Bm Ngoại ngữ | |
| 14 | Nguyễn Ánh Hoa | Bm Ngoại ngữ | |
| 15 | Trịnh Thị Vân | Bm Ngoại ngữ | |
| 16 | | | |
| 17 | | | |
| 18 | | | |
| 19 | | | |
| 20 | | | |
| 21 | | | |
| 22 | | | |
| 23 | | | |
| 24 | | | |
| 25 | | | |

Bộ môn Ngoại Ngữ

Trương Thị Thanh Thủy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN
Bộ Môn Ngoại Ngữ

BÁO CÁO HỌC THUẬT
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2018 - 2019

ĐỌC HIỂU TÀI LIỆU TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH:
KHÓ KHĂN VÀ GIẢI PHÁP
(Phần 1)

Báo cáo viên: GV.ThS Dương Thủy Hương
Đơn vị: Bộ môn Ngoại ngữ, Khoa KHCB

BNNV
Chức
Trưởng T. Thanh Thủy?

Hà Nội - 10/2018